

CHƯƠNG MUA SẮM CHÍNH PHỦ HIỆP ĐỊNH TPP
BẢN CHÀO MỞ CỦA THỊ TRƯỜNG MUA SẮM CHÍNH PHỦ CỦA PERU

**(Bản dịch không chính thức của Cục Quản lý đấu thầu,
Bộ Kế hoạch và Đầu tư)**

Bản này là nội dung cam kết TPP - CPTPP tiếp tục tất cả các cam kết TPP ngoại trừ các nội dung tạm hoãn (được đánh dấu chú thích bởi TTWTO-VCCI)

CHƯƠNG MUA SẮM CHÍNH PHỦ HIỆP ĐỊNH TPP

BẢN CHÀO MỞ CỦA THỊ TRƯỜNG MUA SẮM CHÍNH PHỦ CUỐI CÙNG CỦA PERU

PHẦN A: CƠ QUAN CẤP TRUNG ƯƠNG

Hàng hóa

Ngưỡng: 95,000 SDR

Dịch vụ

Ngưỡng: 95,000 SDR

Dịch vụ xây dựng

Ngưỡng: 5,000,000 SDR

Danh mục của Pê-ru

Trừ trường hợp được quy định cụ thể ở đây, Chương này áp dụng với tất cả các đơn vị trực thuộc các cơ quan được liệt kê trong danh mục của Pê-ru

1. Quản lý quốc gia về giáo dục
2. Ngân hàng Dự trữ Trung ương của Pê-ru
3. Quốc hội Nước Cộng hòa Pê-ru
4. Hội đồng Tư pháp quốc gia
5. Văn phòng Tổng kiểm soát viên
6. Văn phòng Thanh tra nhân dân
7. Hội đồng Bầu cử quốc gia
8. Bộ Nông nghiệp và Thủy lợi
9. Bộ Môi trường
10. Bộ Ngoại thương và Du lịch
11. Bộ Văn hóa
12. Bộ Quốc phòng (Lưu ý 1)
13. Bộ Kinh tế và Tài chính (Lưu ý 2)
14. Bộ Giáo dục
15. Bộ Năng lượng và Mỏ
16. Bộ Y tế
17. Bộ Phụ nữ và Dân số
18. Bộ Sản xuất
19. Bộ Ngoại giao
20. Bộ Y tế
21. Bộ Lao động và Phát triển việc làm)

22. Bộ Giao thông vận tải và Viễn thông
23. Bộ Nhà ở, Xây dựng và Vệ sinh
24. Bộ Nội vụ (Lưu ý 1)
25. Bộ Công tố viên
26. Văn phòng quốc gia về quy trình bầu cử
27. Chính quyền Tư pháp
28. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng
29. Đăng ký nhận dạng và Hộ tịch quốc gia
30. Bảo hiểm y tế (Lưu ý3)
31. Quản trị Ngân hàng, Bảo hiểm và Tư nhân của Quỹ Hưu trí
32. Tòa án Hiến pháp

Lưu ý đối với danh mục của Pê ru

1. Bộ Quốc phòng và Bộ Nội vụ: Chương này không áp dụng với các gói thầu mua sắm quần áo (HS 6205) và giày dép (HS 64011000) của Quân đội, Hải quân, Không quân và Cảnh sát quốc gia Peru.
2. Bộ Kinh tế và Tài chính: Chương này sẽ không áp dụng đối với các gói thầu của/thuộc Cục Xúc tiến đầu tư tư nhân (PROINVERSION) về kỹ thuật, pháp lý, tài chính, kinh tế hoặc các dịch vụ tư vấn tương tự, mà cần thiết để xúc tiến đầu tư tư nhân thông qua việc cấp các nhượng bộ hoặc các phương tiện khác như tăng vốn, liên doanh, dịch vụ, thuê mua và quản lý hợp đồng.
3. Bảo hiểm Y tế: Chương này không áp dụng đối với gói thầu mua sắm tấm (HS 6301) và chăn (HS 6302).

PHẦN B: CƠ QUAN CẤP ĐỊA PHƯƠNG

Hàng hóa

Ngưỡng: 200,000 SDR

Dịch vụ

Ngưỡng: 200,000 SDR

Dịch vụ xây dựng

Ngưỡng: 5,000,000 SDR

Danh mục của Pê ru

Chương này chỉ áp dụng đối với những cơ quan được liệt kê trong danh mục này.

1. Vùng Amazonas
2. Vùng Ancash
3. Vùng Arequipa
4. Vùng Ayacucho
5. Vùng Apurimac
6. Vùng Cajamarca

7. Vùng Callao
8. Vùng Cusco
9. Vùng Ica
10. Vùng Huancavelica
11. Vùng Huanuco
12. Vùng Junin
13. Vùng La Libertad
14. Vùng Lambayeque
15. Vùng Lima
16. Vùng Loreto
17. Vùng Madre de Dios
18. Vùng Moquegua
19. Vùng Pasco
20. Vùng Piura
21. Vùng Puno
22. Vùng San Martin
23. Vùng Tacna
24. Vùng Tumbes
25. Vùng Ucayali

Lưu ý: Peru chào những cơ quan được liệt kê trong Phần này đối với:

- (a) những bên có cam kết tương đương ở cùng cấp, và
- (b) những bên mà:
 - i. ký kết Hiệp định TPP vào ngày mà Hiệp định có hiệu lực, và
 - ii. không có cơ quan cấp địa phương.

PHẦN C: CƠ QUAN KHÁC

Hàng hóa

Ngưỡng: 160,000 SDR

Dịch vụ

Ngưỡng: 160,000 SDR

Dịch vụ xây dựng

Ngưỡng: 5,000,000 SDR

Danh mục của Pê-ru

1. Ngân hàng Nông nghiệp
2. Ngân hàng quốc gia
3. Công ty đàm phán về bất động sản và động sản
4. Tổng công ty Phát triển Tài chính
5. Tổng công ty sân bay và hàng không dân dụng Pê-ru (CORPAC)

6. Công ty điện lực Pê ru
7. Công ty điện lực miền Nam
8. Công ty quản lý Cơ sở hạ tầng điện lực
9. Công ty Thủy điện Machupicchu
10. Công ty quốc gia Coca
11. Công ty cảng quốc gia Pêru
12. Công ty Dịch vụ xuất bản Pê ru
13. Công ty dịch vụ công cộng về điện khu vực Orient
14. Công ty dịch vụ công cộng về điện khu vực Tây Bắc
15. PERUPETRO
16. Công ty dầu khí Pêru (Lưu ý1)
17. Dịch vụ nước uống và thoát nước vùng Lima
18. Dịch vụ Công nghiệp Hải quân
19. Dịch vụ bưu chính của Pê-ru
20. Công ty điện lực Tây Nam

Lưu ý đối với danh mục của Pê-ru

(Lưu ý1) Công ty dầu khí Pê-ru: Chương này không áp dụng đối với gói thầu mua sắm những hàng hóa dưới đây:

- (a) Dầu thô
- (b) Xăng
- (c) Propane
- (d) Dầu Diesel
- (e) Butan
- (f) Lưu huỳnh chung cất hoặc Gasoil
- (g) Khí đốt thiên nhiên
- (h) Dầu diesel sinh học
- (i) Dẫn xuất của hydrocarbons mạch hở
- (j) Catalyzers
- (k) Ethanol
- (l) Phụ gia

PHẦN D: HÀNG HÓA

Chương này áp dụng đối với tất cả các gói thầu mua sắm hàng hóa thuộc các cơ quan được liệt kê trong Phần A, B và C theo các Lưu ý tương ứng trong từng Phần và phần G.

PHẦN E: DỊCH VỤ

Danh mục của Pê-ru

Chương này áp dụng đối với tất cả các gói thầu dịch vụ thuộc các cơ quan được liệt kê trong phần A, B và C theo các Lưu ý tương ứng trong từng phần và Phần G, trừ những dịch vụ được loại trừ trong Bản chào của Pê-ru.

Chương này không áp dụng đối với gói thầu mua sắm các dịch vụ sau đây, theo Hệ thống Phân loại Sản phẩm Trung tâm bản 1.1 (Danh mục đầy đủ của Hệ thống Phân loại Sản phẩm Trung tâm bản 1.1, xem tại <http://unstats.un.org/unsd/cr/registry/regcst.asp?Cl=16>):

CPC 8221 Dịch vụ kế toán và kiểm toán

CPC 82191 Dịch vụ trọng tài và hòa giải

PHẦN F: DỊCH VỤ XÂY DỰNG

Chương này áp dụng đối với tất cả gói thầu dịch vụ xây dựng của các cơ quan được liệt kê trong phần A, B và C thuộc mã CPC 51, trừ trường hợp cụ thể được quy định tại Chương này.

PHẦN G: CÁC LƯU Ý CHUNG

Trừ trường hợp được quy định cụ thể ở đây, các Lưu ý chung trong Bản chào của mỗi Nước thành viên phải áp dụng không có ngoại lệ nào cho Chương này, bao gồm toàn bộ các phần của Phụ lục này.

Bản chào của Pê-ru

I. Lưu ý chung:

1. Chương này không áp dụng đối với gói thầu thuộc chương trình mua sắm thay mặt cho các doanh nghiệp cỡ nhỏ và siêu nhỏ.
2. Chương này không áp dụng đối với các gói thầu mua sắm hàng hóa cho các chương trình hỗ trợ lương thực.
3. Chương này không áp dụng đối với những gói thầu mua lại hàng dệt và quần áo được làm từ sợi alpaca và llama.
4. Chương này không áp dụng đối với những gói thầu thuộc các đại sứ quán, lãnh sự quán và các phái đoàn dịch vụ ngoại thương khác của Pê-ru, dành riêng cho hoạt động và quản lý của các cơ quan đó.
5. Để rõ nghĩa hơn, Chương này không áp dụng đối với các gói thầu ngân hàng, tài chính hay dịch vụ chuyên ngành liên quan đến các hoạt động sau:
 - (a) các khoản nợ công phát sinh; hoặc

(b) quản lý nợ công.

6. Chương này không áp dụng đối với các gói thầu mua sắm hàng hóa hoặc dịch vụ của một cơ quan từ một cơ quan khác của Pê-ru.

PHẦNH: PHƯƠNG TIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Toàn bộ thông tin về mua sắm chính phủ được đăng tải trên những trang web dưới đây:
Pháp chế và Luật học: www.osce.gob.pe

Các cơ hội mua sắm hàng hóa và dịch vụ: www.seace.gob.pe

Các cơ hội mua sắm gói thầu về hợp đồng BTO và hợp đồng nhượng quyền:
www.proinversion.gob.pe

Đăng ký quốc gia của nhà cung cấp (RNP): www.rnp.gob.pe

PHẦNI: CÔNG THỨC ĐIỀU CHỈNH NGƯỠNG

1. Ngưỡng mở cửa sẽ được điều chỉnh 2 năm một lần với hiệu lực của mỗi lần điều chỉnh bắt đầu vào ngày 01 tháng Một, bắt đầu từ ngày 01 tháng Một năm 2018.

2. Hai năm một lần, Pê-ru sẽ tính toán và công bố giá trị của các ngưỡng mở cửa trong Chương này bằng Nuevos Soles. Việc tính toán sẽ dựa trên tỷ lệ chuyển đổi do Quỹ Tiền tệ Quốc tế công bố hàng tháng trong dữ liệu “Thống kê Tài chính Quốc tế”.

3. Tỷ lệ chuyển đổi là bình quân giá trị hàng ngày của Nuevos Soles tính theo Quyền Rút vốn Đặc biệt (SDR) trong khoảng thời gian 2 năm trước ngày 01 tháng Mười của năm trước khi ngưỡng điều chỉnh bắt đầu có hiệu lực.

4. Pê-ru có nghĩa vụ thông báo cho các Nước thành viên khác về ngưỡng mở cửa hiện tại bằng đồng tiền của mình ngay sau khi Hiệp định này có hiệu lực cũng như các ngưỡng điều chỉnh sau đó một cách kịp thời.

5. Pê-ru sẽ tiến hành tham vấn nếu có sự thay đổi lớn về giá trị của đồng tiền nội tệ so với SDR hoặc so với đồng tiền của một Nước thành viên khác mà gây ra vấn đề nghiêm trọng đối với việc áp dụng Chương này.